

Số: 2813/QĐ-YDHP

Hải Phòng, ngày 26 tháng 12 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH**

Về việc ban hành Quy định đào tạo trình độ Bác sĩ chuyên khoa cấp I

**HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG**

Căn cứ quyết định số 06/1999/QĐ-TTg ngày 25 tháng 01 năm 1999 của Thủ tướng chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Y Hải Phòng;

Căn cứ quyết định số 2153/QĐ-TTg ngày 11 tháng 11 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc đổi tên Trường Đại học Y Hải Phòng thành Trường Đại học Y Dược Hải Phòng;

Căn cứ quyết định số 1636/2001/QĐ-BYT, ngày 25 tháng 5 năm 2001 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành quy chế đào tạo chuyên khoa cấp I sau đại học;

Căn cứ Nghị định 111/NĐ-CP, ngày 05 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ về quy định và tổ chức đào tạo thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe;

Căn cứ công văn số 1623/BYT-K2ĐT, ngày 31 tháng 3 năm 2017 của Bộ Y tế về việc đào tạo chuyên khoa I, chuyên khoa II và Bác sĩ nội trú;

Căn cứ công văn số 622/BYT-K2ĐT, ngày 12 tháng 02 năm 2020 của Bộ Y tế về việc hướng dẫn tuyển sinh và đào tạo chuyên khoa I, chuyên khoa II và Bác sĩ nội trú trong năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 931/QĐ-YDHP, ngày 25 tháng 8 năm 2020 của Hiệu trưởng trường Đại học Y Dược Hải Phòng về việc ban hành Quy định đào tạo trình độ chuyên khoa cấp I;

Theo đề nghị của ông Trưởng phòng Quản lý Đào tạo Sau đại học.

**QUYẾT ĐỊNH**

**Điều 1:** Ban hành kèm theo Quyết định này bản Quy định đào tạo trình độ Bác sĩ chuyên khoa cấp I của Trường đại học Y Dược Hải Phòng;

**Điều 2:** Quyết định này có hiệu lực từ năm học 2022 – 2023 và thay thế các quy định trước đây về đào tạo trình độ Bác sĩ chuyên khoa cấp I của Trường Đại học Y Dược Hải Phòng;

**Điều 3:** Các ông (bà) Trưởng phòng Quản lý Đào tạo Sau đại học, các phòng ban chức năng, các khoa/bộ môn liên quan và học viên Bác sĩ chuyên khoa cấp I chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;

- Lưu: VT, QLĐTSDH.



HIỆU TRƯỞNG

PGS. TS. Nguyễn Văn Khải

## QUY ĐỊNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ BÁC SĨ CHUYÊN KHOA CẤP I

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2815/QĐ-YDHP ngày 26 tháng 12 năm 2022 của  
Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược Hải Phòng)

### CHƯƠNG I

#### MỤC TIÊU, ĐỐI TƯỢNG VÀ HÌNH THỨC ĐÀO TẠO

##### Điều 1. Mục tiêu

Chuyên khoa cấp I (CKI) là loại hình đào tạo sau đại học đặc thù của ngành Y tế, áp dụng cho tất cả các chuyên ngành lâm sàng và thực hành nghề nghiệp trong lĩnh vực khoa học sức khỏe nhằm mục đích đào tạo nhân lực Y tế có khả năng thực hành trong một chuyên ngành rộng, bổ sung một số kiến thức khoa học cơ bản và y dược học cơ sở đã học trong đại học để có thể tự học vươn lên, trở thành các chuyên gia Y tế thực hành chuyên khoa.

##### Điều 2. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy định này quy định chung về tổ chức và quản lý đào tạo trình độ Bác sĩ chuyên khoa cấp I của Trường Đại học Y Dược Hải Phòng (sau đây gọi là Trường), bao gồm: Quy định tuyển sinh, Chương trình đào tạo và thời gian học tập; hình thức và phương thức tổ chức đào tạo; đánh giá kết quả học tập và cấp bằng tốt nghiệp; những quy định khác đối với học viên, tổ chức thực hiện, điều khoản thi hành.

2. Quy định này áp dụng đối với tất cả các chương trình đào tạo trình độ Bác sĩ chuyên khoa cấp I của Trường.

##### Điều 3. Đối tượng đào tạo

Tất cả những người đã tốt nghiệp Đại học các ngành khoa học sức khỏe hệ chính quy hoặc không chính quy, công tác trong lĩnh vực Y tế ở các cơ sở thực hành lâm sàng, thực hành nghề nghiệp, có các điều kiện sau đây được học tập CKI:

- Có bằng tốt nghiệp đại học thuộc ngành học tương ứng với ngành/chuyên ngành đăng ký dự thi, không yêu cầu có chứng chỉ định hướng chuyên khoa trước khi dự thi. Riêng đối với bác sĩ làm việc liên tục trong chuyên ngành đăng ký dự thi từ trước ngày 01/01/2012 (ngày Thông tư số

41/2011/TT-BYT có hiệu lực) cho đến ngày đăng ký dự thi thì được dự thi chuyên ngành đang làm việc. Đối với bác sĩ y học dự phòng tốt nghiệp sau ngày 01/01/2012 đã được cấp chứng chỉ hành nghề với phạm vi hoạt động chuyên môn là được khám, phát hiện và xử trí các bệnh thông thường; xử trí ban đầu một số trường hợp cấp cứu tại cộng đồng được đăng ký dự thi chuyên khoa cấp I chuyên ngành Y học gia đình.

- Về thâm niên chuyên môn để dự thi: Đối với các lĩnh vực yêu cầu phải có chứng chỉ hành nghề (theo quy định tại Luật Khám chữa bệnh) thí sinh chỉ được dự thi khi có chứng chỉ hành nghề. Đối với trường hợp đăng ký dự thi chuyên ngành khác với phạm vi hoạt động chuyên môn trong chứng chỉ hành nghề đã được cấp thì phải có xác nhận của Thủ trưởng cơ sở khám bệnh, chữa bệnh về thâm niên công tác tối thiểu 12 tháng trong chuyên ngành đăng ký dự thi. Các đối tượng khác cần có ít nhất 12 tháng công tác trong chuyên ngành dự thi.

- Có đủ sức khỏe theo quy định.
- Lý lịch bản thân rõ ràng, hiện không bị truy cứu trách nhiệm hình sự.
- Người nước ngoài muốn học CKI tại Việt Nam, phải có đủ các điều kiện quy định ở điều này và được Bộ Ngoại giao nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam giới thiệu.

## **CHƯƠNG II TUYỂN SINH**

### **Điều 4. Hồ sơ dự tuyển**

- Đơn xin dự thi có xác nhận của cơ quan chủ quản quản lý nhân sự;
- Bản sao công chứng bằng điểm, bằng tốt nghiệp đại học. Thí sinh dự tuyển tốt nghiệp đại học ở nước ngoài phải nộp giấy xác nhận văn bằng của Cục Quản lý chất lượng, Bộ Giáo dục & Đào tạo;
- Công văn cử đi dự thi của cơ quan trực tiếp quản lý cán bộ, công chức của địa phương hay cơ sở hành nghề tư nhân;
- Sơ yếu lý lịch có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền quản lý;
- Bản sao công chứng chứng chỉ hành nghề; trường hợp chứng chỉ hành nghề lĩnh vực khác chuyên ngành dự thi phải có giấy chứng nhận thâm niên công tác trong chuyên ngành dự thi tối thiểu 12 tháng;
- Các giấy tờ khác theo yêu cầu của thông báo tuyển sinh
- Sau khi trúng tuyển thí sinh phải có quyết định cử đi học của cơ quan có thẩm quyền. Nếu là thí sinh tự do phải nộp Bản cam kết hiện không công tác tại bất kỳ cơ quan/tổ chức nào.

### **Điều 5. Thi tuyển**

+ Việc thi tuyển thực hiện theo đúng các quy chế về thi tuyển sinh của Bộ GD & ĐT, Bộ Y tế và các văn bản hướng dẫn bổ sung của Bộ Y tế.

+ Hội đồng tuyển sinh CKI do Hiệu trưởng cơ sở đào tạo ra quyết định thành lập.

+ Hàng năm nhà trường tổ chức thi tuyển căn cứ vào chỉ tiêu tuyển sinh đã xác định.

+ Môn thi: bao gồm 2 môn

- Môn cơ sở

- Môn chuyên ngành theo ngành dự thi.

Nội dung cụ thể các môn thi do các cơ sở đào tạo quy định.

### **Điều 6. Điều kiện trúng tuyển**

- Điểm các môn thi đều phải đạt từ 5 trở lên (*thang điểm 10*). Nếu số thí sinh đạt lớn hơn số chỉ tiêu đào tạo thì lấy từ trên xuống đến số thứ tự bằng số chỉ tiêu căn cứ vào tổng điểm hai môn (*làm tròn đến hai chữ số thập phân*). Nếu số thí sinh đạt thấp hơn số chỉ tiêu đào tạo cũng không lấy thêm.

- Các đối tượng ưu tiên và chính sách ưu tiên được xem xét trong tuyển chọn theo quy định tuyển sinh sau đại học của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Hiệu trưởng các trường được Bộ Y tế uỷ quyền, quyết định công nhận trúng tuyển, báo cáo Bộ Y tế.

### **Điều 7. Chế độ cử tuyển**

Chế độ cử tuyển đào tạo CKI được thực hiện theo thông tư liên tịch số: 04/2001/TTLT-BGD&ĐT-BTCCBCP-UBDT&MN ngày 26/02/2001, về việc hướng dẫn tuyển sinh vào đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp theo chế độ cử tuyển.

- Học viên là cán bộ dân tộc ít người đang công tác tại vùng có điều kiện kinh tế-xã hội đặc biệt khó khăn (*vùng dân tộc thiểu số, miền núi, hải đảo và những vùng khó khăn khác*) ít nhất 3 năm.

- Có quyết định cử đi học CKI của UBND tỉnh theo chế độ cử tuyển.

- Không phải dự thi tuyển nhưng phải học bổ túc 30 đơn vị học trình về những kiến thức cơ bản, cơ sở và chuyên ngành cần thiết tại cơ sở đào tạo và sau khi kiểm tra đạt, mới được xét vào học. Trường Đại học được giao đào tạo đối tượng này phải biên soạn chương trình và tài liệu trình Bộ Y tế duyệt.

- Sau khi tốt nghiệp, học viên phải trở về cơ quan cũ (*nơi cử đi học*) công tác.

Hàng năm UBND các tỉnh gửi nhu cầu đào tạo CKI theo chế độ cử tuyển về Bộ Y tế để tổng hợp, lập kế hoạch và phân bổ chỉ tiêu cho từng tỉnh.

## CHƯƠNG III CHƯƠNG TRÌNH VÀ TỔ CHỨC ĐÀO TẠO

### Điều 8. Cơ sở đào tạo

Cơ sở đào tạo CKI có điều kiện sau:

- Có chương trình đào tạo được Bộ Y tế phê duyệt.
- Có đủ đội ngũ giảng viên có học hàm, học vị: Giáo sư, Phó giáo sư, Tiến sĩ hoặc CKII. Số lượng quy định tối thiểu là 3 giảng viên chuyên ngành cho mỗi chuyên ngành đào tạo trong đó không quá 1/3 giảng viên thỉnh giảng.

Bác sĩ chính, Dược sĩ chính có trình độ chuyên khoa I và thạc sĩ có thể tham gia giảng dạy với tư cách trợ giảng.

Mỗi giảng viên chuyên ngành phụ trách tối đa 10 học viên bao gồm các khóa và các hình thức đào tạo.

- Có đủ cơ sở vật chất phục vụ dạy-học, phòng thí nghiệm, phương tiện giảng dạy, thư viện, có giáo trình, sách giáo khoa chuyên ngành.
- Có cơ sở thực hành đào tạo CKI đủ trang thiết bị được Bộ Y tế công nhận.

### Điều 9. Chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo CKI từ 60-70 tín chỉ (TC) trong đó tối thiểu trên 50% tín chỉ thực hành (*phải được tiến hành ở các phòng thí nghiệm của trường, các bệnh viện, viện nghiên cứu hay thực địa; Các Viện, Bệnh viện đáp ứng yêu cầu nghị định 111/2017/NĐ-CP*).

Cụ thể như sau:

- Các môn chung (*triết, tin, ngoại ngữ...tùy theo chuyên ngành lựa chọn nhưng đảm bảo theo quy định của Bộ Y tế*) chiếm khoảng 20%.
- Các môn cơ sở và hỗ trợ chiếm khoảng 10%
- Môn chuyên ngành không ít hơn 60%
- Chương trình chi tiết của mỗi chuyên ngành do các cơ sở đào tạo xây dựng, thông qua hội đồng khoa học cơ sở, trình Bộ Y tế phê duyệt.

### Điều 10. Hình thức và thời gian đào tạo

Có 3 hình thức đào tạo CKI:

- Tập trung: học viên tập trung học tập liên tục tại trường Đại học, thời gian đào tạo 2 năm.

- Tập trung theo chứng chỉ: Học viên tập trung học tập thành từng đợt theo kế hoạch của cơ sở đào tạo. Thời gian học tập tương đương 2 năm tập trung và kéo dài từ 3 đến 5 năm.

Nội dung chương trình học tập của các hình thức đào tạo nói trên là tương đương nhau.

## CHƯƠNG IV

### ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP VÀ CẤP BẰNG TỐT NGHIỆP

#### **Điều 11. Đánh giá các môn học/học phần**

- Đối với môn học lý thuyết: học viên được phép nghỉ không quá 15% tổng thời lượng môn học.

- Đối với học phần lâm sàng: Học viên phải tham dự đầy đủ các bài học lâm sàng. Nếu học viên nghỉ học có giấy xin phép kèm theo lý do hợp lệ, trình khoa/bộ môn phụ trách học phần và phải được khoa/bộ môn đồng ý. Học viên nghỉ học không có lý do thì không được dự thi kết thúc học phần và nhận điểm 0. Khoa/bộ môn chỉ được phép cho học viên nghỉ học 01 buổi, nếu học viên nghỉ học từ 02 buổi trở lên, phải có đơn trình bày gửi phòng Quản lý Đào tạo Sau Đại học để phòng trình Ban Giám hiệu phê duyệt.

- Trước ngày thi 07 ngày làm việc, Khoa/bộ môn gửi danh sách học viên đủ điều kiện dự thi học phần lý thuyết, học phần lâm sàng có xác nhận của lãnh đạo khoa/bộ môn gửi phòng Quản lý Đào tạo Sau Đại học để làm căn cứ xét duyệt danh sách thi.

- Các môn học có cả lý thuyết và thực hành: căn cứ vào tỷ lệ từng phần để tổng hợp thành điểm chung.

- Các môn lâm sàng: điểm lý thuyết và thực hành tính độc lập.

Điểm lý thuyết và thực hành phải đạt từ 5 điểm trở lên theo thang điểm 10 (làm tròn đến một số thập phân).

Học viên có điểm thi hết môn học/học phần không đạt được dự thi lần hai, và phải đóng kinh phí thi lại. Trong trường hợp thi lại không đạt phải học lại và đóng kinh phí học lại và thi lại. Học viên có bất kỳ môn nào thi lần 3 vẫn không đạt hoặc có số môn phải học lại quá một phần ba tổng số môn học thì phải buộc thôi học. Kinh phí học lại do học viên đóng góp theo đúng các quy định hiện hành của nhà nước.

#### **Điều 12. Công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ**

1. Trường cho phép công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ đối với các đối tượng học viên được đào tạo từ một trình độ đào tạo khác, một ngành đào tạo khác, chương trình đào tạo khác, khóa học khác hoặc một cơ sở đào tạo khác.

2. Hội đồng xét công nhận điểm có trách nhiệm xét công nhận kết quả học tập, chuyển đổi tín chỉ trên cơ sở đối sánh chuẩn đầu ra, nội dung và khối lượng học tập, cách thức đánh giá học phần và các điều kiện bảo đảm chất lượng thực hiện chương trình.

3. Trường công khai quy định về việc công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ trên Website. Khối lượng tối đa được công nhận, chuyển đổi không vượt quá 50% khối lượng học tập tối thiểu của chương trình đào tạo.

### **Điều 13. Thi tốt nghiệp**

- Điều kiện thi tốt nghiệp: Học viên được dự thi tốt nghiệp sau khi đã hoàn thành chương trình đào tạo quy định tại điều 9, đạt điểm kết thúc các môn học/ học phần quy định tại điều 11 và không vi phạm kỷ luật trong quá trình học tập.

- Môn thi tốt nghiệp là môn chuyên ngành bao gồm 2 phần: lý thuyết và thực hành. Điểm của từng phần được tính độc lập và đều phải đạt từ 5 điểm trở lên (*thang điểm 10*).

- Hội đồng thi tốt nghiệp CKI do hiệu trưởng các trường được phép đào tạo ra quyết định thành lập. Chủ tịch hội đồng quyết định nội dung và hình thức thi tốt nghiệp.

### **Điều 14. Hướng dẫn luận văn**

1. Luận văn là một báo cáo khoa học, tổng hợp các kết quả nghiên cứu chính của học viên và đáp ứng yêu cầu sau:

a) Có đóng góp về lý luận, học thuật hoặc phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo; thể hiện năng lực nghiên cứu của học viên;

b) Phù hợp với các chuẩn mực về văn hóa, đạo đức và thuần phong mỹ tục của người Việt Nam;

c) Tuân thủ quy định của cơ sở đào tạo về liêm chính học thuật và các quy định hiện hành của pháp luật về sở hữu trí tuệ.

2. Mỗi học viên có một hoặc hai người hướng dẫn luận văn, trong đó phải có một người là giảng viên cơ hữu của cơ sở đào tạo. Tại một thời điểm, một người hướng dẫn độc lập không quá 5 học viên (tính cả số học viên thực hiện học phần tốt nghiệp của chương trình định hướng ứng dụng); trường hợp đồng hướng dẫn 2 học viên được tính tương đương hướng dẫn độc lập 1 học viên.

3. Tiêu chuẩn của người hướng dẫn luận văn:

a) Có trình độ tiến sĩ hoặc chuyên khoa II chuyên môn phù hợp với ngành đào tạo và đề tài luận văn của học viên;

b) Có năng lực ngoại ngữ, ứng dụng công nghệ thông tin để thực hiện nghiên cứu và trao đổi khoa học quốc tế;

c) Có kết quả nghiên cứu khoa học liên quan đến đề tài luận văn trong thời gian 5 năm tính đến thời điểm được giao hướng dẫn;

d) Những người không phải là cán bộ cơ hữu của Nhà trường, chưa có chức danh giáo sư hoặc phó giáo sư, nếu lần đầu tham gia hướng dẫn khoa học sẽ đảm nhiệm vị trí hướng dẫn thứ 2.

## **Điều 15. Đánh giá luận văn**

1. Luận văn được tổ chức đánh giá bằng hình thức bảo vệ luận văn trước Hội đồng. Buổi bảo vệ luận văn được tổ chức công khai trừ những đề tài thuộc các lĩnh vực cần bảo mật thực hiện theo quy định của Nhà nước.

2. Hội đồng đánh giá luận văn bảo đảm đảm các yêu cầu sau:

a) Hội đồng có 5 thành viên, bao gồm chủ tịch, thư ký, 2 ủy viên phản biện và các ủy viên khác; trong đó có ít nhất 1 ủy viên phản biện là người ngoài cơ sở đào tạo;

b) Tiêu chuẩn các thành viên Hội đồng phải đáp ứng tiêu chuẩn như người hướng dẫn luận văn quy định tại khoản 3 Điều 14 Quy định này và quy định tại điểm c khoản 8 Điều này. Chủ tịch Hội đồng phải là giảng viên cơ hữu hoặc nghiên cứu viên cơ hữu của trường có kiến thức cập nhật về quản lý đào tạo, có hiểu biết sâu rộng lĩnh vực chuyên môn phù hợp với ngành đào tạo và có chức danh từ Phó giáo sư trở lên;

c) Người hướng dẫn có thể tham gia Hội đồng với tư cách là ủy viên nhưng không được đánh giá; cha, mẹ, vợ hoặc chồng, con, anh, chị, em ruột của học viên không tham gia Hội đồng.

3. Điều kiện học viên được bảo vệ luận văn:

a) Đã hoàn thành tất cả các học phần của chương trình đào tạo;

b) Đã nộp luận văn đáp ứng yêu cầu đối với luận văn chuyên khoa cấp I, luận văn được người hướng dẫn đọc và đồng ý cho bảo vệ;

c) Đã hoàn thành học và thi các chứng chỉ trong chương trình đào tạo.

4. Buổi bảo vệ luận văn được tổ chức khi ít nhất 2/3 tổng số thành viên Hội đồng đánh giá có mặt, trong đó có chủ tịch, thư ký và ít nhất 01 ủy viên phản biện. Hình thức bảo vệ trực tuyến có thể được thực hiện khi có sự đồng thuận của các thành viên Hội đồng và học viên; toàn bộ diễn biến của buổi bảo vệ trực tuyến được ghi hình, ghi âm và lưu trữ tại trường.

5. Điểm luận văn là trung bình cộng điểm chấm của các thành viên Hội đồng có mặt trong buổi đánh giá luận văn theo thang điểm 10; được xếp loại đạt khi lớn hơn hoặc bằng 5,5 điểm.

6. Trong trường hợp luận văn không đạt yêu cầu, học viên được chỉnh sửa, bổ sung luận văn để được đánh giá lần thứ hai trong thời hạn 3 tháng tính từ ngày họp hội đồng đánh giá lần thứ nhất; không tổ chức đánh giá luận văn lần thứ ba.

7. Sau khi bảo vệ thành công, toàn văn luận văn (đã được chỉnh sửa, bổ sung theo yêu cầu của hội đồng nếu có) phải được nộp và lưu trữ tại thư viện của Nhà trường; được công bố trên trang thông tin điện tử của Nhà trường trong thời gian ít nhất 30 ngày, trừ một số đề tài thuộc các lĩnh vực cần bảo mật thực hiện theo quy định của Nhà nước.

8. Các quy định khác liên quan đến đánh giá luận văn:

a) Luận văn chuyên khoa cấp I được đánh giá công khai tại Hội đồng chấm luận văn, phòng đào tạo Sau đại học tổ chức buổi bảo vệ luận văn (có hướng dẫn chương trình tổ chức bảo vệ luận văn kèm theo).

b) Mỗi thành viên Hội đồng chỉ đảm nhận một chức trách trong Hội đồng.

c) Quy định về các thành viên trong Hội đồng:

Ngoài quy định tại điểm b khoản 2 Điều 15, thành viên Hội đồng đánh giá luận văn cần đáp ứng các yêu cầu sau:

Ủy viên Hội đồng phải có học vị tiến sĩ hoặc chuyên khoa cấp II từ 2 năm trở lên, hoặc chức danh Giáo sư, Phó giáo sư cùng ngành, chuyên ngành phù hợp, am hiểu những vấn đề có liên quan đến đề tài luận văn và đã từng hướng dẫn thành công luận văn cho các trình độ sau đại học;

Chủ tịch Hội đồng phải là người có năng lực và uy tín chuyên môn, có kinh nghiệm trong tổ chức và quản lý đào tạo điều hành các công việc của Hội đồng;

Người phản biện phải là người am hiểu về đề tài luận văn. Người phản biện không được là đồng tác giả với người bảo vệ trong các công trình công bố có liên quan đến đề tài luận văn (nếu có);

Các thành viên hội đồng là người không có quan hệ cha, mẹ, vợ, chồng, con, anh chị em ruột với người bảo vệ luận văn;

Các thành viên hội đồng phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính trung thực của các nhận xét, đánh giá của mình về luận văn.

d) Không tiến hành bảo vệ luận văn khi xảy ra một trong các trường hợp sau:

Học viên không đủ sức khoẻ trong thời điểm bảo vệ;

Vắng mặt chủ tịch Hội đồng hoặc thư ký Hội đồng;

Vắng mặt phản biện có ý kiến không tán thành luận văn;

Vắng mặt từ hai thành viên hội đồng trở lên.

e) Thang điểm đánh giá luận văn chuyên khoa cấp I:

Các thành viên cho theo thang điểm 10, được lẻ đến một chữ số thập phân. Kết luận hội đồng theo phiếu điểm sau:

Điểm trung bình chấm cho luận văn được xếp ở mức:

Không đạt (<5,5 đ)

Trung bình (5,5-6,99đ)

Khá (7-8,99 đ)

Giỏi (9-9,49đ)

Xuất sắc ( $\geq 9,5$ đ)

Kết luận hội đồng “Luận văn Đạt yêu cầu” nếu điểm trung bình trên 5,5 điểm và “Không Đạt yêu cầu” nếu điểm trung bình dưới 5,5 điểm và học viên sẽ phải bảo vệ lại.

f) Sau khi bảo vệ luận văn đạt yêu cầu, học viên sửa chữa luận văn theo yêu cầu của Hội đồng chấm, bản giải trình chính sửa luận văn có xác nhận của thầy hướng dẫn. Nộp 1 đĩa CD (file mềm) ghi toàn bộ luận văn và 01 cuốn về thư viện; Nộp 1 đĩa CD (file mềm) ghi toàn bộ luận văn và 01 cuốn về Phòng đào tạo Sau đại học.

Học viên hoàn tất các thủ tục trước khi nhận quyết định trả về cơ quan công tác khi sửa xong và nộp luận văn theo các yêu cầu quy định (chậm nhất 15 ngày sau khi bảo vệ luận văn).

g) Trường hợp học viên bảo vệ luận văn không đạt yêu cầu được sửa chữa để bảo vệ lần thứ hai thì học viên phải tự túc kinh phí bảo vệ.

h) Những trường hợp học viên bảo vệ không đúng kế hoạch đã ấn định phải làm đơn xin hoãn, có xác nhận của thầy hướng dẫn và Nhà trường, gửi trước ngày bảo vệ theo lịch ít nhất 15 ngày. Những trường hợp bảo vệ ngoài thời gian đã quy định cho khoá học, học viên phải tự túc hoàn toàn kinh phí tổ chức bảo vệ theo quy định của Nhà trường.

i) Những trường hợp không hoàn thành luận văn đúng thời hạn để bảo vệ, học viên phải làm đơn xin kéo dài thời hạn đến kỳ bảo vệ lại của khoá (nếu có) và phải đóng kinh phí do quá hạn theo quy định của Nhà trường.

### **Điều 16. Thẩm định luận văn**

1. Khi có phản ánh, khiếu nại, tố cáo hoặc những trường hợp khác theo yêu cầu quản lý, Nhà trường quyết định việc thẩm định chất lượng luận văn.

2. Hội đồng thẩm định luận văn có thành phần, tiêu chuẩn như Hội đồng đánh giá luận văn; các thành viên hội đồng đánh giá luận văn không tham gia Hội đồng thẩm định.

3. Nhà trường quy định chi tiết về việc thành lập Hội đồng thẩm định luận văn; quy trình họp Hội đồng và xử lý kết quả thẩm định luận văn.

### **Điều 17. Công nhận tốt nghiệp**

- Điểm trung bình chung toàn khoá: là điểm trung bình chung các môn học được tính trung bình theo hệ số tín chỉ

- Xếp loại tốt nghiệp:

<b>Xếp loại tốt nghiệp</b>	<b>Thang điểm 10</b>
Xuất sắc	8,5-10
Giỏi	8,0-8,49
Khá	6,5-7,99
Trung bình	5,5-6,49

- Hiệu trưởng các trường đào tạo được Bộ Y tế ủy quyền ra quyết định công nhận tốt nghiệp, báo cáo Bộ Y tế trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày công nhận tốt nghiệp.

- Học viên tốt nghiệp sẽ được cấp bằng CKI theo từng chuyên ngành. Bằng CKI do Bộ Y tế thống nhất quản lý và phát hành trong toàn quốc.

- Hiệu trưởng các trường đào tạo CKI ký bằng tốt nghiệp.

## **CHƯƠNG V**

### **NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN LỢI CỦA HỌC VIÊN**

**Điều 18. Nghỉ học tạm thời, bảo lưu kết quả học tập, thôi học và các nhiệm vụ, quyền lợi khác**

1. Nghỉ học tạm thời, bảo lưu kết quả học tập

- Học viên nghỉ học thời gian liên tục tối thiểu 1 học kỳ chính phải viết đơn xin nghỉ học tạm thời và bảo lưu kết quả học tập nộp về Phòng QLĐTSDH. Học viên được bảo lưu tối đa 12 tháng. Chỉ được bảo lưu 1 lần trong CTĐT.

- Học viên sinh con trong thời gian học, bắt buộc phải có đơn báo cáo nhà trường và bắt buộc phải nghỉ học theo chế độ thai sản hiện hành để bảo vệ sức khỏe mẹ và con. Nếu học viên không có đơn báo cáo nhà trường về việc sinh con trong thời gian học tập, nếu có vấn đề gì học viên hoàn toàn tự chịu trách nhiệm.

b) Học viên được quyền viết đơn gửi Hiệu trưởng xin nghỉ học tạm thời và bảo lưu kết quả học tập trong các trường hợp sau:

- Được điều động vào các lực lượng vũ trang.

- Bị ốm hoặc tai nạn phải điều trị thời gian dài nhưng phải có giấy xác nhận của các cơ quan y tế có thẩm quyền.

- Nhu cầu cá nhân. Trường hợp này học viên phải học ít nhất một học kỳ ở trường và không bị rơi vào các trường hợp bị cảnh báo kết quả học tập hay bị buộc thôi học.

c) Thủ tục xin phép nghỉ học, bảo lưu kết quả học tập

- Học viên xin phép nghỉ học phải có giấy xin phép gửi về cho Đơn vị phụ trách chương trình đào tạo và Phòng QLĐTSDH trước khi nghỉ học. Đối với trường

hợp học viên nghỉ học với lý do đột xuất phải nộp giấy xin phép về cho Đơn vị phụ trách học phần và Phòng QLĐTSDH chậm nhất 02 ngày sau khi nghỉ.

- Học viên xin bảo lưu kết quả học tập phải có:

- Đơn xin bảo lưu kết quả học tập với lý do bảo lưu minh chứng kèm theo (nếu có: giấy chứng sinh, giấy chứng nhận cơ sở khám bệnh, giấy điều động nhập ngũ..)

- Xác nhận của Khoa đồng ý cho học viên bảo lưu/thôi học vào đơn học viên.

- Biên lai hoặc xác nhận đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính trong thời gian học tập tại trường

## 2. Thôi học

- Học viên xin thôi học vì lý do cá nhân, trừ trường hợp bị xem xét buộc thôi học hoặc xem xét kỷ luật. Những học viên này muốn quay trở lại học phải dự tuyển đầu vào như những thí sinh khác.

- Học viên có đơn xin thôi học, không nợ học phí, không nợ sách mượn của thư viện và các khoản kinh phí bắt buộc phải hoàn thành với Trường sẽ được bảo lưu kết quả trong thời gian học tập tại Trường.

- Học viên tự ý bỏ học quá thời gian quy định sẽ bị hủy kết quả học tập trong thời gian học tập tại Trường.

- Học viên phải chấp hành đầy đủ các quy chế, quy định về đào tạo CKI, các quy chế, quy định của cơ sở thực hành và trường đại học.

- Học viên phải hoàn thành kế hoạch đào tạo đúng thời hạn quy định. Học viên có lý do chính đáng có thể tạm dừng học tập một lần và được bảo lưu kết quả học tập một năm.

- Học viên muốn chuyển chuyên ngành đào tạo phải được sự đồng ý của cơ sở đào tạo và Bộ Y tế, phải học và thi các môn học/học phần còn thiếu.

- Học viên phải hoàn thành đóng học phí trong tháng đầu tiên của mỗi kì học

- Học viên được sử dụng thư viện, các tài liệu khoa học, phòng thí nghiệm phục vụ cho học tập.

## **Điều 19. Hoạt động nghiên cứu khoa học của học viên**

1. Các hình thức của hoạt động nghiên cứu khoa học của học viên bao gồm:

- Tham gia câu lạc bộ khoa học học viên, sinh hoạt chuyên đề khoa học, báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo khoa học, công bố bài báo khoa học trên các tạp chí chuyên ngành.

- Tham gia khảo sát thực địa, thực nghiệm khoa học, thực hiện dự án học thuật, luận văn, đề tài nghiên cứu, triển khai ứng dụng tiến bộ khoa học vào thực tế.

2. Tổ chức và quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học của học viên
- Khoa/Bộ môn xây dựng hoạt động nghiên cứu khoa học của học viên trong nhiệm vụ năm học của mình.
  - Triển khai nghiên cứu khoa học của học viên gắn với các đề tài, dự án nghiên cứu khoa học và các hoạt động khoa học khác của Trường. Tạo điều kiện để học viên được tham gia nghiên cứu và tham gia thực hiện các hoạt động khoa học công nghệ.
  - Tổ chức hội nghị khoa học học viên, đánh giá, xếp loại, khen thưởng công trình nghiên cứu của học viên.
  - Thành lập các câu lạc bộ khoa học học viên, tổ chức chuyên đề khoa học.
  - Hiệu trưởng quy định cụ thể số lượng giờ chuẩn giảng viên hướng dẫn học viên nghiên cứu khoa học trên mỗi một công trình.

## **CHƯƠNG VI**

### **NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN LỢI CỦA GIẢNG VIÊN**

#### **Điều 20. Nhiệm vụ**

- Giảng viên có nhiệm vụ tham gia xây dựng kế hoạch, chương trình giảng dạy và biên soạn bài giảng theo nhiệm vụ được phân công.
- Hướng dẫn, theo dõi và giúp đỡ học viên học tập đảm bảo đúng kế hoạch và chất lượng đào tạo.

#### **Điều 21. Quyền lợi**

Nhà trường có văn bản quy định quyền lợi tương đương của các giảng viên sau đại học (CKI, CKII, BSNTBV, thạc sĩ và tiến sĩ) thuộc lĩnh vực y tế.

## **CHƯƠNG VII**

### **TRÁCH NHIỆM CỦA CƠ SỞ ĐÀO TẠO**

#### **Điều 22. Trách nhiệm của Nhà trường**

- Nhà trường có đủ điều kiện đào tạo CKI quy định tại điều 5 đăng ký mã số đào tạo theo quy định mở ngành đào tạo, trình Bộ Y tế thẩm định và giao nhiệm vụ đào tạo.
- Nhà trường quản lý toàn bộ quá trình đào tạo theo quy định.
- Nhà trường có trách nhiệm kết hợp với viện/bệnh viện thực hành trong quá trình đào tạo đảm bảo việc thực hành cho học viên chuyên khoa.
- Nhà trường tổ chức đào tạo thực hành theo quy định tại nghị định số 111/2017/NĐ-CP.

### **Điều 23. Trách nhiệm của viện/bệnh viện thực hành**

- Các viện, bệnh viện, cơ sở y tế được nhà trường đề nghị là cơ sở thực hành và được Bộ Y tế công nhận, có trách nhiệm cùng tham gia đào tạo với nhà trường, đảm bảo kế hoạch nhiệm vụ được phân công.

- Các viện/bệnh viện khác có thể là cơ quan phối hợp với nhà trường trong việc giảng dạy chuyên môn cho học viên chuyên khoa khi được yêu cầu.

### **Điều 24. Kinh phí đào tạo**

Nhà trường quản lý và sử dụng kinh phí đào tạo CKI và các nguồn thu khác theo quy định hiện hành của Nhà nước.

## **CHƯƠNG VIII KHEN THƯỞNG VÀ XỬ LÝ VI PHẠM**

### **Điều 25. Khen thưởng**

- Giảng viên có thành tích đào tạo CKI đạt chất lượng cao được Nhà trường khen thưởng.

- Học viên có thành tích học tập xuất sắc được Nhà trường khen thưởng.

### **Điều 26. Xử lý vi phạm**

- Học viên có gian lận trong thi, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập sẽ bị xử lý kỷ luật đối với từng học phần đã vi phạm theo các quy định của Quy chế học sinh - sinh viên của Trường ban hành, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 điều này.

- Học viên học hộ, thi hộ hoặc nhờ người học hộ, thi hộ đều bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập 01 năm đối với trường hợp vi phạm lần thứ nhất và buộc thôi học đối với trường hợp vi phạm lần thứ hai.

- Người học sử dụng hồ sơ, văn bằng, chứng chỉ giả làm điều kiện trúng tuyển hoặc điều kiện tốt nghiệp sẽ bị buộc thôi học; văn bằng tốt nghiệp nếu đã được cấp sẽ bị thu hồi, huỷ bỏ.

- Những trường hợp cá nhân hoặc đơn vị vi phạm quy chế này, tùy theo tính chất mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

**CHƯƠNG IX**  
**ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

**Điều 27: Hiệu lực thi hành**

Quy định đào tạo CKI được thực hiện trong toàn trường kể từ ngày quyết định ban hành có hiệu lực. Các quy định trước đây trái với quy định này đều bị bãi bỏ.

**HIỆU TRƯỞNG**



HIỆU TRƯỞNG  
PGS. TS. *Nguyễn Văn Khải*